

An Giang, ngày 16 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua các báo cáo của HĐQT, báo cáo của BGĐ, báo cáo của BKS
và Báo cáo tài chính năm 2025**

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp hiện hành;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Bê Tông Ly Tâm An Giang;
- Căn cứ các báo cáo của HĐQT, Ban Giám đốc, BKS, Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán;

Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ thông qua các báo cáo sau:

1. Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động năm 2025 và kế hoạch năm 2026;
2. Báo cáo của Ban Giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026;
3. Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025;
4. Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán;

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu VT.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Anh Tấn

An Giang, ngày 16 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về phương án phân phối lợi nhuận năm 2025

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp hiện hành;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Bê Tông Ly Tâm An Giang;
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán;

Hội đồng quản trị trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025:

- Lợi nhuận sau thuế được phân phối : 20.327.838.782 đồng
Trong đó: Lợi nhuận sau thuế năm 2024 chuyển sang: 3.146.539.219 đồng
- Chia cổ tức với mức 40% vốn điều lệ : 12.203.124.000 đồng
- Trích lập các quỹ : 8.124.714.782 đồng
Trong đó:
 - + Quỹ khen thưởng : 2.900.000.000 đồng
 - + Quỹ phúc lợi : 900.000.000 đồng
 - + Thưởng HĐQT, BKS và Thư ký : 800.000.000 đồng
 - + Thưởng Giám đốc : 400.000.000 đồng
 - + Quỹ đầu tư phát triển : 3.124.714.782 đồng

2. Trả cổ tức bằng tiền:

- Đợt 1 trả 10%/cổ phần (01 cổ phần được nhận 1.000 đồng) vào ngày 29/05/2026.
- Đợt cuối trả 30%/cổ phần (01 cổ phần được nhận 3.000 đồng) dự kiến trong quý III-IV năm 2026.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu VT.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Anh Tấn

An Giang, ngày 16 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về chi trả thù lao HĐQT, BKS và Thư ký

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp hiện hành;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Bê Tông Ly Tâm An Giang;

Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ thông qua mức thù lao của HĐQT, BKS, Thư ký năm 2025 và đề nghị mức thù lao năm 2026 như sau:

1. Thù lao HĐQT, BKS và Người phụ trách quản trị/Thư ký công ty năm 2025 là 384.000.000 đồng theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025
2. Thù lao HĐQT, BKS và Người phụ trách quản trị/Thư ký công ty năm 2026 là 384.000.000 đồng, chi tiết:
 - Chủ tịch HĐQT : 6.000.000 đồng/người/tháng (01 người)
 - Thành viên HĐQT: 4.000.000 đồng/người/tháng (04 người)
 - Trưởng BKS : 4.000.000 đồng/người/tháng (01 người)
 - Thành viên BKS : 2.000.000 đồng/người/tháng (02 người)
 - Người phụ trách quản trị/Thư ký công ty: 2.000.000 đồng/người/tháng (01 người)

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Anh Tấn

Số: 01/ACECO-BKS

An Giang, ngày 16 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 tại Công ty cổ phần Bê tông ly tâm An Giang

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

Căn cứ thông tư số 99/2025/TT- BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Bê tông ly tâm An Giang (ACECO);

Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định Pháp luật và Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát Công ty trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách các công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty như sau:

I. Các tiêu chí lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập

1. Là Công ty Kiểm toán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2026;

2. Có uy tín về chất lượng kiểm toán;

3. Đội ngũ Kiểm toán viên có trình độ, có kinh nghiệm kiểm toán trong lĩnh vực SXKD của Công ty để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty;

4. Đáp ứng được yêu cầu của Công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;

5. Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng và phạm vi kiểm toán yêu cầu.

II. Danh sách các Công ty Kiểm toán đề xuất

Trên cơ sở các tiêu chí lựa chọn trên, Ban Kiểm soát kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua danh sách các Công ty Kiểm toán sẽ được xem xét để chỉ định làm đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2026 của Công ty bao gồm các Công

ty Kiểm toán thuộc danh sách công ty kiểm toán được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2026.

III. Đề xuất của Ban kiểm soát

1. Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua các tiêu chí lựa chọn và danh sách các công ty kiểm toán như đã nêu;

2. Đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện việc lựa chọn một trong các công ty kiểm toán nêu trên theo đề xuất của Ban Kiểm soát và giao cho Giám đốc ký hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT Công ty;
- Lưu BKS Công ty.

TM.BAN KIỂM SOÁT
Trưởng Ban

Lê Đức Thọ

Số: 902 /QĐ-UBCK

Hà Nội, ngày 19 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chấp thuận doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề
được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng
thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2026**

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

*Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;
Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29 tháng 03 năm
2011;*

*Căn cứ Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2012 của Chính
phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kiểm toán độc
lập;*

*Căn cứ Nghị định số 90/2025/NĐ-CP ngày 14/4/2025 của Chính phủ sửa
đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kiểm
toán độc lập;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày
31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của
Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Nghị định số 84/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của
Chính phủ về tiêu chuẩn, điều kiện đối với kiểm toán viên hành nghề, tổ chức kiểm
toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh
doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Nghị định số 134/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2020 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 84/2016/NĐ-CP ngày
01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ về tiêu chuẩn, điều kiện đối với kiểm toán*

viên hành nghề, tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng;

Căn cứ Thông tư số 183/2013/TT-BTC ngày 04 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về kiểm toán độc lập đối với đơn vị có lợi ích công chúng;

Căn cứ Quyết định số 686/QĐ-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Giám sát Công ty đại chúng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận cho 28 doanh nghiệp kiểm toán và 794 kiểm toán viên hành nghề có tên trong danh sách kèm theo được thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 84/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về tiêu chuẩn, điều kiện đối với kiểm toán viên hành nghề, tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng (đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 134/2020/NĐ-CP ngày 15/11/2020 của Chính phủ) trong năm 2026 kể từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2026.

Điều 2. Các doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được chấp thuận có trách nhiệm tuân thủ đúng các quy định về kiểm toán đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định tại Nghị định số 84/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về tiêu chuẩn, điều kiện đối với kiểm toán viên hành nghề, tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng (đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 134/2020/NĐ-CP ngày 15/11/2020 của Chính phủ) và Thông tư số 183/2013/TT-BTC ngày 04/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về kiểm toán độc lập đối với đơn vị có lợi ích công chúng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, các Công ty kiểm toán và các kiểm toán viên hành nghề nêu tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBCKNN (để b/c);
- Cục QLGS KT KT-BTC;
- Lưu: VT, GSĐC (60b).





DANH SÁCH DOANH NGHIỆP KIỂM TOÁN VÀ KIỂM TOÁN VIÊN HÀNH NGHỀ ĐƯỢC CHẤP THUẬN KIỂM TOÁN CHO ĐƠN VỊ CÓ LỢI ÍCH CÔNG CHỨNG THUỘC LĨNH VỰC CHỨNG KHOÁN NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 902 /QĐ-UBCK ngày 19 /11/2025 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)

STT	TÊN CÔNG TY
1	Công ty TNHH KPMG (KPMG)
2	Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC (AASC)
3	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C (A&C)
4	Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Moore AISC (Moore AISC)
5	Công ty TNHH PwC (Việt Nam) (PwC)
6	Công ty TNHH Grant Thornton Việt Nam (GT)
7	Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (AAC)
8	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS)
9	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn PKF-TTG (PKF-TTG)
10	Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam (RSM)
11	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE)
12	Công ty TNHH Kiểm toán BDO (BDO)
13	Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam (Deloitte)
14	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)
15	Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (ICPA)
16	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y)
17	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY)
18	Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt (NTV)
19	Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam (AFC)
20	Công ty TNHH Kiểm toán VACO (VACO)
21	Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (ECOVIS AFA)
22	Công ty TNHH Hãng kiểm toán và Định giá ASCO (ASCO)
23	Công ty TNHH Kiểm toán NVA (NVA)
24	Công ty TNHH Kiểm toán An Việt (An Việt)
25	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế (IAV)
26	Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA)
27	Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM (CPA VN)
28	Công ty TNHH Kiểm toán FAC (FAC)

An Giang, ngày 16 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc sửa đổi Điều lệ Công ty

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp hiện hành;
- Căn cứ Nghị quyết số 1654/NQ-UBTVQH15 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh An Giang năm 2025;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Bê Tông Ly Tâm An Giang;

Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ thông qua việc sửa đổi khoản 3 Điều 2 Điều lệ Công ty ban hành ngày 20/04/2022 như sau:

“Địa chỉ trụ sở chính: Quốc lộ 91, khóm An Thới, phường Mỹ Thới, tỉnh An Giang”, bỏ cụm từ “thành phố Long Xuyên” do sáp nhập đơn vị hành chính

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu VT.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Trần Anh Tấn

Số:/NQ-ACECO

An Giang, ngày 16 tháng 04 năm 2026

**DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM AN GIANG**

Căn cứ Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Bê tông ly tâm An Giang;

Căn cứ vào chương trình làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 tổ chức ngày 16 tháng 04 năm 2026 tại Khách sạn Đông Xuyên – số 9A, đường Lương Văn Cù, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang;

Căn cứ vào Biên bản họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Bê tông ly tâm An Giang số .../BB-ACECO ngày 16 tháng 04 năm 2026,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thông qua Báo cáo của HĐQT, Báo cáo của Ban Giám đốc, Báo cáo của BKS, Báo cáo tài chính năm 2025 (đã được kiểm toán) về kết quả sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2025 với các chỉ tiêu sau:

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025:
 - + Doanh thu : 359.975.345.140 đồng
 - + Lợi nhuận trước thuế : 21.373.849.453 đồng
 - + Lợi nhuận sau thuế : 17.181.299.563 đồng
- Đầu tư TSCĐ : 6.994.623.264 đồng

2. Thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:

- Lợi nhuận sau thuế được phân phối : 20.327.838.782 đồng
 - Trong đó: Lợi nhuận sau thuế năm 2024 chuyển sang: 3.146.539.219 đồng*
- Chia Cổ tức với mức 40% vốn điều lệ : 12.203.124.000 đồng
- Trích lập các quỹ : 8.124.714.782 đồng
 - + Quỹ khen thưởng : 2.900.000.000 đồng
 - + Quỹ phúc lợi : 900.000.000 đồng
 - + Thưởng HĐQT, BKS và Thư ký : 800.000.000 đồng
 - + Thưởng Giám đốc : 400.000.000 đồng
 - + Quỹ đầu tư phát triển : 3.124.714.782 đồng

Chi trả cổ tức năm 2025 bằng tiền:

- Đợt 1: Tỷ lệ 10%/cổ phần (01 cổ phần được nhận 1.000 đồng) vào ngày 29/05/2026.
- Đợt cuối: Tỷ lệ 30% /cổ phần (01 cổ phần được nhận 3.000 đồng) trong quý III-IV năm 2026.

3. Thông qua báo cáo trả thù lao HĐQT, BKS, Người phụ trách quản trị/Thư ký công ty năm 2025 là 384 triệu đồng.

4. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2026:

- Sản xuất kinh doanh:

- + Doanh thu : 280 tỷ đồng
- + Lợi nhuận trước thuế : 17 tỷ đồng
- + Lợi nhuận sau thuế : 13,6 tỷ đồng
- + Cổ tức : 25%/vốn điều lệ

- Đầu tư TSCĐ: 10 tỷ đồng, bao gồm:

- + Cải tạo dây chuyền sản xuất: 5 tỷ đồng
- + Thiết bị phục vụ sản xuất: 5 tỷ đồng

5. Thông qua thù lao HĐQT, BKS, Người phụ trách quản trị/Thư ký công ty năm 2026 là: 384.000.000 đồng.

- Chủ tịch HĐQT : 6.000.000 đồng/người/tháng (01 người)
- Thành viên HĐQT : 4.000.000 đồng/người/tháng (04 người)
- Trưởng BKS : 4.000.000 đồng/người/tháng (01 người)
- Thành viên BKS : 2.000.000 đồng/người/tháng (02 người)
- Người phụ trách quản trị/Thư ký công ty: 2.000.000 đồng/người/tháng (01 người)

6. Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026:

Đại hội đồng cổ đông chọn đơn vị kiểm toán theo danh sách Công ty kiểm toán đã được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 và uỷ quyền cho HĐQT Công ty lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán trên để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 cho Công ty và giao cho Giám đốc ký hợp đồng kiểm toán (danh sách Công ty kiểm toán theo Tờ trình ngày 16/04/2026 của BKS).

7. Thông qua nội dung sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

8. Đại hội giao nhiệm vụ cho HĐQT nghiên cứu những ý kiến đề xuất của cổ đông, của Ban kiểm soát để khắc phục những tồn tại nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong năm 2026.

9. Đại hội giao cho Ban kiểm soát thực hiện việc kiểm tra, giám sát, đôn đốc và giúp HĐQT thực hiện Nghị quyết có hiệu quả.

HĐQT, BKS và toàn thể cổ đông có trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu VT.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Trần Anh Tấn



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM AN GIANG
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

THẺ BIỂU QUYẾT

Số thứ tự:

Số ĐKSH:

Cổ đông:

Số cổ phần sở hữu và đại diện:

Qualified Services
with Global
Understanding and Vision

Local Expertise
International Presence



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM AN GIANG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 33



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm An Giang trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm An Giang (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và đăng ký thuế số 1600669108 (số cũ 5203000014) đăng ký lần đầu ngày 01/9/2003, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 12 ngày 09/3/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp (Nay là Sở Tài chính tỉnh An Giang).

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 09/3/2022 là: 30.507.810.000 VND (Bằng chữ: Ba mươi tỷ, năm trăm linh bảy triệu, tám trăm mười nghìn đồng).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: AN GIANG CENTRIFUGAL CONCRETE JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt là: ACECO.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã cổ phiếu: ACE.

Trụ sở chính của Công ty tại Quốc lộ 91, khóm An Thới, phường Mỹ Thới, tỉnh An Giang.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Anh Tấn	Chủ tịch
Ông Tạ Văn Mẫn	Thành viên
Ông Lê Duy Cừu	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Gắn Em	Thành viên
Ông Phạm Bửu Lộc	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Lê Đức Thọ	Trưởng ban
Ông Đinh Văn Thi	Thành viên
Ông Trần Vương Đức	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Duy Cừu	Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Gắn Em	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Đ.N:
CÔ
T
KIỂM
PAV
Ô H

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc, 



Lê Duy Cửu

Giám đốc

An Giang, ngày 09 tháng 3 năm 2026

Số: 80/2026/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
 Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
 Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm An Giang

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm An Giang, được lập ngày 09/3/2026, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm An Giang tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Bùi Thị Thúy**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2026

Lưu Minh Tới**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3920-2022-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		138.406.403.063	163.169.839.030
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	20.757.424.092	39.622.430.115
1. Tiền	111		20.757.424.092	39.622.430.115
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		108.000.000	108.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	584.000.000	584.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5.2	(476.000.000)	(476.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		63.640.471.419	68.910.053.838
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	74.888.537.050	88.652.078.168
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	2.635.100.244	2.328.516.359
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	782.702.594	658.607.387
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.7	(14.665.868.469)	(22.729.148.076)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	53.652.915.470	54.048.169.831
1. Hàng tồn kho	141		53.652.915.470	54.048.169.831
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		247.592.082	481.185.246
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	247.592.082	481.185.246
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+230+240+250+260)	200		23.240.355.798	21.750.435.125
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		16.928.648.747	15.410.975.347
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	15.873.844.092	14.356.170.692
- Nguyên giá	222		139.956.899.694	132.962.276.430
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(124.083.055.602)	(118.606.105.738)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	1.054.804.655	1.054.804.655
- Nguyên giá	228		2.447.373.655	2.447.373.655
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.392.569.000)	(1.392.569.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.900.000.000	3.900.000.000
1. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	252	5.2	3.900.000.000	3.900.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.411.707.051	2.439.459.778
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	2.411.707.051	2.138.693.923
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	300.765.855
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		161.646.758.861	184.920.274.155

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		87.916.432.859	113.343.514.216
I. Nợ ngắn hạn	310		86.860.605.859	110.511.687.216
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	16.696.194.812	22.478.473.417
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	2.708.767.918	10.185.883.683
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	2.515.411.885	3.858.044.500
4. Phải trả người lao động	314		10.074.346.584	11.323.812.220
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		73.500.000	70.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	899.152.991	839.204.414
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	43.435.245.177	50.650.989.683
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.15	10.287.348.411	10.936.798.718
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		170.638.081	168.480.581
II. Nợ dài hạn	330		1.055.827.000	2.831.827.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	1.055.827.000	2.831.827.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		73.730.326.002	71.576.759.939
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.17	73.730.326.002	71.576.759.939
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.507.810.000	30.507.810.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.507.810.000	30.507.810.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		135.908.000	135.908.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		22.758.769.220	22.758.769.220
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		20.327.838.782	18.174.272.719
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		3.146.539.219	2.907.111.661
- LNST chưa phân phối kì này	421b		17.181.299.563	15.267.161.058
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		161.646.758.861	184.920.274.155

An Giang, ngày 09 tháng 3 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Huỳnh Thanh Mẫn

Trịnh Tấn Đệ

Lê Duy Cửu



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	359.975.345.140	305.779.182.400
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		359.975.345.140	305.779.182.400
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	297.736.652.872	252.368.920.985
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		62.238.692.268	53.410.261.415
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	608.067.531	558.745.803
7. Chi phí tài chính	22	6.4	2.964.538.634	3.653.668.089
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.951.758.296	3.614.836.943
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	11.518.414.211	7.224.799.242
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	27.271.604.085	24.219.551.094
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		21.092.202.869	18.870.988.793
11. Thu nhập khác	31	6.6	495.647.771	414.051.188
12. Chi phí khác	32	6.6	214.001.187	241.778.782
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	281.646.584	172.272.406
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		21.373.849.453	19.043.261.199
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	3.891.784.035	4.076.865.996
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		300.765.855	(300.765.855)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		17.181.299.563	15.267.161.058
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	5.632	3.578

Người lập

Kế toán trưởng

An Giang, ngày 09 tháng 3 năm 2026

Giám đốc



Huỳnh Thanh Mẫn



Trịnh Tấn Đệ



Lê Duy Cửu

 N:
CÔ
T
I
E
M
A
V
H

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		21.373.849.453	19.043.261.199
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		5.476.949.864	5.187.809.223
- Các khoản dự phòng	03		(63.303.964)	1.621.096.559
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(385.686)	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(522.612.147)	(400.506.516)
- Chi phí lãi vay	06		2.951.758.296	3.614.836.943
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		29.216.255.816	29.066.497.408
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		4.683.436.076	9.114.066.211
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		395.254.361	2.833.352.987
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(15.635.698.397)	8.167.454.295
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(39.419.964)	340.662.285
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.951.758.296)	(3.614.836.943)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.076.865.996)	(3.933.084.149)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	17		134.567.500	133.157.500
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	18		(4.452.410.000)	(4.601.120.481)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.273.361.100	37.506.149.113
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(6.994.623.264)	(9.866.055.477)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		522.612.147	400.506.516
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.472.011.117)	(9.465.548.961)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		259.964.884.392	209.894.406.571
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(268.956.628.898)	(198.870.312.982)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.674.611.500)	(10.674.611.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(19.666.356.006)	349.482.089
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(18.865.006.023)	28.390.082.241
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		39.622.430.115	11.232.347.874
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	5.1	20.757.424.092	39.622.430.115

An Giang, ngày 09 tháng 3 năm 2026


Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Huỳnh Thanh Mẫn



Trịnh Tấn Đệ



Lê Duy Cửu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm An Giang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và đăng ký thuế số 1600669108 (số cũ 5203000014) đăng ký lần đầu ngày 01/9/2003, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 12 ngày 09/3/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp (Nay là Sở Tài chính tỉnh An Giang).

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 09/3/2022 là: 30.507.810.000 VND (Bằng chữ: Ba mươi tỷ, năm trăm linh bảy triệu, tám trăm mười nghìn đồng).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: AN GIANG CENTRIFUGAL CONCRETE JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: ACECO.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã cổ phiếu: ACE.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại Quốc lộ 91, khóm An Thới, phường Mỹ Thới, tỉnh An Giang.

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 358 người (tại ngày 31/12/2024 là 332 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: Sản xuất và kinh doanh sản phẩm bê tông công nghiệp (trụ điện, cọc, ống cống, cầu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông thương phẩm); Xây lắp đường dây và trạm biến áp điện đến 110KV, điện dân dụng và công nghiệp; Thi công các công trình xây dựng công nghiệp, công cộng, cơ sở hạ tầng, thủy lợi và dân dụng; Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí (thiết bị nâng, thiết bị chuyên dùng sản xuất sản phẩm bê tông công nghiệp, kết cấu thép, sản phẩm phi tiêu chuẩn); Mua bán vật liệu xây dựng, vật tư và thiết bị kỹ thuật; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy; Tư vấn đầu tư, xây dựng; Chuyển giao công nghệ sản xuất sản phẩm bê tông công nghiệp. Thiết kế sản phẩm bê tông ly tâm ứng lực trước, sản phẩm cầu kiện bê tông đúc sẵn của công ty; Nuôi trồng thủy sản, chế biến thủy sản (tuân thủ các qui định pháp luật về đất đai môi trường, xây dựng và những văn bản khác có liên quan trước khi tiến hành sản xuất, chế biến); Tư vấn đầu tư xây dựng, chuyển giao công nghệ sản xuất sản phẩm bê tông công nghiệp./.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Sản xuất và kinh doanh sản phẩm bê tông công nghiệp (trụ điện, cọc, ống cống, cầu kiện bê tông đúc sẵn).

1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Đối với hoạt động thi công xây lắp, cung cấp sản phẩm bê tông cho các công trình dân dụng và công nghiệp của Công ty phụ thuộc vào từng hợp đồng, đơn đặt hàng, dự án mà Công ty thực hiện.

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)*****Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư***

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 10
Máy móc, thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải	03 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
Tài sản cố định khác	02 - 05

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất: Là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: Tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Tài sản vô hình là các Quyền sử dụng đất sau:

Thửa đất số 13 tờ bản đồ số 44, phường Bình Đức, Tỉnh An Giang với thời gian sử dụng lâu dài.

Thửa đất số 308 tờ bản đồ số 20, đường Trần Quang Khải, Khóm Trung An, phường Mỹ Thới, Tỉnh An Giang với thời gian sử dụng lâu dài.

Thửa đất số 45 tờ bản đồ số 25, phường Mỹ Thới, Tỉnh An Giang với thời gian sử dụng lâu dài.

Thửa đất số 1 tờ bản đồ số 26, phường Mỹ Thới, Tỉnh An Giang với thời gian sử dụng đến tháng 01/2051.

Thửa đất số 42 tờ bản đồ số 44, phường Bình Đức, Tỉnh An Giang với thời gian sử dụng đến ngày 30/12/2066.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí: Công cụ, dụng cụ xuất dùng; Chi phí trả trước chờ phân bổ.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ trong thời gian 24 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước 01 lần cho cả thời gian thuê được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê là 50 năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con).
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: Dự phòng bảo hành sản phẩm.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích lập các quỹ và chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế phù hợp với quy định về pháp luật thuế hiện hành.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm sau khi trừ đi phần trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng trong năm, Công ty chỉ sản xuất và kinh doanh sản phẩm bê tông công nghiệp tại khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	289.795.278	266.973.315
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.467.628.814	39.355.456.800
Tổng	20.757.424.092	39.622.430.115

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM AN GIANG

Quốc lộ 91, khóm An Thới,
phường Mỹ Thới, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**a. Chứng khoán kinh doanh**

Đối tượng	31/12/2025 (VND)				01/01/2025 (VND)			
	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp điện Bạc Liêu	1.000	108.000.000	(i)	-	1.000	108.000.000	(i)	-
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Dung Quất	47.600	476.000.000	(i)	(476.000.000)	47.600	476.000.000	(i)	(476.000.000)
Tổng		584.000.000		(476.000.000)		584.000.000		(476.000.000)

b. Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết

Đối tượng	31/12/2025 (VND)			01/01/2025 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa	3.900.000.000	(i)	-	3.900.000.000	(i)	-
Tổng	3.900.000.000		-	3.900.000.000		-

(i) Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để thuyết minh trong Báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM AN GIANG

Quốc lộ 91, khóm An Thới,
phường Mỹ Thới, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Điện Bạc Liêu	25.197.264.785	13.144.304.585
Công ty TNHH MTV Xây Dựng Điện Minh Sang	8.989.745.641	16.258.845.401
Phải thu các đối tượng khác	40.701.526.624	59.248.928.182
Tổng	74.888.537.050	88.652.078.168
<i>Trong đó, Phải thu khách hàng là các bên liên quan</i>	<i>5.092.501.200</i>	<i>-</i>
<i>(Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.1)</i>		

Tại ngày 31/12/2025, Công ty đã thế chấp số dư nợ phải thu khách hàng để đảm bảo cho khoản tiền vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang.

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Hangzhou Novoland Imp. And Exp. Co., Ltd	1.453.321.001	-
Công ty TNHH Thép Quốc Thanh	-	1.290.051.000
Các đối tượng khác	1.181.779.243	1.038.465.359
Tổng	2.635.100.244	2.328.516.359

5.5 Phải thu khác ngắn hạn

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
- Phải thu người lao động	758.702.594	-	634.607.387	-
- Phải thu cổ tức Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Dung Quất	24.000.000	-	24.000.000	-
Tổng	782.702.594	-	658.607.387	-

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	17.960.870.717	-	26.131.941.953	-
Công cụ, dụng cụ	297.066.509	-	303.008.406	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.591.875	-	770.245.113	-
Thành phẩm	35.384.386.369	-	26.842.974.359	-
Tổng	53.652.915.470	-	54.048.169.831	-

Tại ngày 31/12/2025, Công ty đã thế chấp số dư hàng tồn kho để đảm bảo cho khoản tiền vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM AN GIANG

Quốc lộ 91, khóm An Thới,
phường Mỹ Thới, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.7 Nợ xấu

Đối tượng	Tuổi nợ	31/12/2025 (VND)			Tuổi nợ	01/01/2025 (VND)		
		Giá gốc (+)	Dự phòng (-)	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc (+)	Dự phòng (-)	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu khách hàng		25.988.921.112	(14.665.868.469)	11.323.052.643		35.272.436.236	(22.575.148.076)	12.651.088.160
Nhóm khách hàng xoá nợ trong năm (i)		-	-	-	Trên 03 năm	8.495.425.950	(8.495.425.950)	-
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 939	Từ 06 tháng - Trên 03 năm	4.755.704.740	(2.971.928.680)	1.783.776.060	Dưới 03 năm	3.448.700.540	(2.083.813.418)	1.364.887.122
Công ty TNHH Xây dựng Phát triển Miền Nam	Trên 03 năm	3.218.053.800	(3.218.053.800)	-	Trên 01 năm	3.218.053.800	(2.620.817.000)	597.236.800
Các đối tượng còn lại	Từ 06 tháng - Trên 03 năm	18.015.162.572	(8.475.885.989)	9.539.276.583	Từ 06 tháng - Trên 03 năm	20.110.255.946	(9.375.091.708)	10.688.964.238
Trả trước cho người bán		-	-	-		154.000.000	(154.000.000)	-
Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Xây dựng Hồng Đăng (i)		-	-	-	Trên 03 năm	154.000.000	(154.000.000)	-
Tổng		25.988.921.112	(14.665.868.469)	11.323.052.643		35.426.436.236	(22.729.148.076)	12.651.088.160

- (i) Trong năm, Công ty đã thông qua Nghị quyết Hội đồng Quản trị về việc xử lý xoá nợ một số đối tượng công nợ phải thu đã không còn khả năng thu hồi và trích lập dự phòng 100%.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM AN GIANG

Quốc lộ 91, khóm An Thới,
phường Mỹ Thới, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại ngày 01/01/2025	43.561.059.441	45.513.290.971	23.170.360.501	610.737.340	20.106.828.177	132.962.276.430
Tăng trong năm	543.253.704	2.725.510.456	3.338.965.685	-	386.893.419	6.994.623.264
Mua, gia công trong năm	-	2.725.510.456	3.338.965.685	-	386.893.419	6.451.369.560
Đầu tư XDCB hoàn thành	543.253.704	-	-	-	-	543.253.704
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2025	44.104.313.145	48.238.801.427	26.509.326.186	610.737.340	20.493.721.596	139.956.899.694
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2025	39.864.762.921	38.466.310.716	20.526.189.866	590.681.808	19.158.160.427	118.606.105.738
Tăng trong năm	1.042.409.082	2.187.875.992	1.372.422.889	12.666.672	861.575.229	5.476.949.864
Khấu hao trong năm	1.042.409.082	2.187.875.992	1.372.422.889	12.666.672	861.575.229	5.476.949.864
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2025	40.907.172.003	40.654.186.708	21.898.612.755	603.348.480	20.019.735.656	124.083.055.602
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2025	3.696.296.520	7.046.980.255	2.644.170.635	20.055.532	948.667.750	14.356.170.692
Tại ngày 31/12/2025	3.197.141.142	7.584.614.719	4.610.713.431	7.388.860	473.985.940	15.873.844.092

Trong đó:

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2025 là 5.027.299.342 VND (tại ngày 01/01/2025 là 960.365.948 VND).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình chờ thanh lý tại ngày 31/12/2025 là 1.864.180.162 VND (tại ngày 01/01/2025 là 1.025.246.682 VND).

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá tại ngày 31/12/2025 là 108.384.271.882 VND (tại ngày 01/01/2025 là 102.697.161.916 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2025	2.447.373.655	2.447.373.655
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2025	2.447.373.655	2.447.373.655
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2025	1.392.569.000	1.392.569.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2025	1.392.569.000	1.392.569.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2025	1.054.804.655	1.054.804.655
Tại ngày 31/12/2025	1.054.804.655	1.054.804.655

Trong đó:

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 1.392.569.000 VND (tại ngày 01/01/2025 là 1.392.569.000 VND).

Công ty đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2025 là 1.054.804.655 VND (tại ngày 01/01/2025 là 1.054.804.655 VND).

5.10 Chi phí trả trước

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	247.592.082	481.185.246
Chi phí sửa chữa, cải tạo	247.592.082	385.301.985
Chi phí trả trước khác	-	95.883.261
Dài hạn	2.411.707.051	2.138.693.923
Chi phí thuê đất (i)	1.473.527.700	1.509.394.500
Chi phí sửa chữa, cải tạo	938.179.351	629.299.423
Tổng	2.659.299.133	2.619.879.169

(i) Chi phí thuê đất là tiền thuê đất trả tiền 01 lần cho cả thời hạn thuê, vị trí tại phường Bình Đức, tỉnh An Giang, diện tích khu đất 1.234 m² với nguyên giá là 1.793.340.000 VND, Công ty phân bổ tương ứng với thời gian thuê là 50 năm kể từ thời điểm tháng 02 năm 2017.

Tại ngày 31/12/2025, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất thuê đề cập bên trên để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2025 là 1.473.527.700 VND (tại ngày 01/01/2025 là 1.509.394.500 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM AN GIANG

Quốc lộ 91, khóm An Thới,
phường Mỹ Thới, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Thương mại Đức Hùng Long Xuyên	5.466.903.629	5.466.903.629	5.017.444.407	5.017.444.407
Công ty CP Vật tư Xây dựng Minh Hà	2.025.328.584	2.025.328.584	4.013.735.189	4.013.735.189
Công ty TNHH Năng lượng Châu Âu	-	-	217.960.931	217.960.931
DNTN Đức Hùng Long Xuyên	1.174.258.470	1.174.258.470	1.516.730.325	1.516.730.325
Các đối tượng còn lại	8.029.704.129	8.029.704.129	11.712.602.565	11.712.602.565
Tổng	16.696.194.812	16.696.194.812	22.478.473.417	22.478.473.417

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty TNHH MTV Xây dựng Bình An	1.476.379.008	-
Công ty CP Bê tông Ly tâm Nha Trang	272.933.209	372.933.209
Công ty TNHH Điện - Điện lạnh Hưng Lộc	-	5.718.571.240
Công ty TNHH Xây lắp điện Hiệp Lực	-	1.242.208.000
Các đối tượng khác	959.455.701	2.852.171.234
Tổng	2.708.767.918	10.185.883.683

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2025
Phải nộp	3.858.044.500	15.686.462.610	17.029.095.225	2.515.411.885
Thuế giá trị gia tăng	1.559.134.528	5.512.780.748	6.866.518.349	205.396.927
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	5.017.905.274	5.017.905.274	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.076.865.996	3.891.784.035	4.076.865.996	1.891.784.035
Thuế thu nhập cá nhân	221.880.404	944.721.948	748.532.529	418.069.823
Thuế tài nguyên	163.572	2.346.750	2.349.222	161.100
Tiền thuê đất	-	296.752.442	296.752.442	-
Các loại thuế khác	-	20.171.413	20.171.413	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM AN GIANG

Quốc lộ 91, khóm An Thới,
phường Mỹ Thới, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.14 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	691.403.978	634.887.798
Các khoản phải trả, phải nộp khác	207.749.013	204.316.616
Tổng	899.152.991	839.204.414

5.15 Dự phòng phải trả ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	10.287.348.411	6.219.688.718
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	-	4.717.110.000
Tổng	10.287.348.411	10.936.798.718

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM AN GIANG

Quốc lộ 91, khóm An Thới,
phường Mỹ Thới, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.16 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2025 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	43.435.245.177	43.435.245.177	260.852.884.392	268.068.628.898	50.650.989.683	50.650.989.683
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>42.547.245.177</i>	<i>42.547.245.177</i>	<i>259.964.884.392</i>	<i>268.068.628.898</i>	<i>50.650.989.683</i>	<i>50.650.989.683</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang (i)	31.221.845.030	31.221.845.030	174.064.600.472	178.653.964.668	35.811.209.226	35.811.209.226
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang (ii)	11.325.400.147	11.325.400.147	85.900.283.920	89.414.664.230	14.839.780.457	14.839.780.457
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>888.000.000</i>	<i>888.000.000</i>	<i>888.000.000</i>	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang (iii)	888.000.000	888.000.000	888.000.000	-	-	-
b) Vay dài hạn	1.055.827.000	1.055.827.000	-	1.776.000.000	2.831.827.000	2.831.827.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang (iii)	1.055.827.000	1.055.827.000	-	1.776.000.000	2.831.827.000	2.831.827.000
Tổng	44.491.072.177	44.491.072.177	260.852.884.392	269.844.628.898	53.482.816.683	53.482.816.683

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang

Hợp đồng	Theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 01/2025/549076/HĐTD ngày 06/10/2025 tái ký cho Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 01/2024/549076/HĐTD ngày 14/10/2024 ;
Hạn mức vay	59.800.000.000 VND, bao gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi để đáp ứng nhu cầu vay vốn, mở L/C, bảo lãnh;
Mục đích vay	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
Thời hạn vay	Kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng hạn mức này, tối đa đến ngày 30/9/2026;
Lãi suất vay	Được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ;
Hình thức đảm bảo tiền vay	Thế chấp các quyền sử dụng đất, nhà cửa vật kiến trúc, xe ô tô, sà lan, máy móc, thiết bị và tài sản khác thuộc quyền sở hữu của Công ty;
Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2025	31.221.845.030 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.16 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn (Tiếp theo)**(ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang**

Hợp đồng	Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 144/2025-HĐCVHM/NHCT740-ACECO ngày 22/12/2025 tái ký cho Hợp đồng cho vay hạn mức số 152/2024-HĐCVHM/NHCT740-ACECO ngày 27/11/2024;
Hạn mức vay	35.000.000.000 VND, bao gồm cả vay vốn, mở L/C, bảo lãnh;
Mục đích vay	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
Thời hạn vay	Kể từ ngày 22/12/2025 đến hết ngày 22/12/2026;
Lãi suất vay	Quy định trên từng Giấy nhận nợ và điều chỉnh 01 tháng một lần;
Hình thức đảm bảo tiền vay	Thế chấp các quyền sử dụng đất, nhà cửa vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và tài sản khác thuộc quyền sở hữu của Công ty;
Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2025	11.325.400.147 VND.

(iii) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang

Hợp đồng	Hợp đồng tín dụng số 02/2023/549076/HĐTD ngày 11/12/2023;
Số tiền vay	4.000.000.000 VND;
Mục đích vay	Lắp đặt trạm trộn bê tông và thiết bị phụ trợ;
Thời hạn vay	60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
Lãi suất vay	8,5%/ năm và được điều chỉnh 6 tháng/lần theo thông báo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh;
Hình thức đảm bảo tiền vay	Tài sản thế chấp là "Trạm trộn bê tông 75m ³ /h và thiết bị phụ trợ";
Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2025	1.943.827.000 VND. Trong đó, vay dài hạn đến hạn trả là: 888.000.000 VND

5.17 Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2024	30.507.810.000	135.908.000	22.758.769.220	17.934.845.161	71.337.332.381
Lãi trong năm trước	-	-	-	15.267.161.058	15.267.161.058
Trích lập các quỹ	-	-	-	(4.350.000.000)	(4.350.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(10.677.733.500)	(10.677.733.500)
Số dư tại ngày 31/12/2024	30.507.810.000	135.908.000	22.758.769.220	18.174.272.719	71.576.759.939
Số dư tại ngày 01/01/2025	30.507.810.000	135.908.000	22.758.769.220	18.174.272.719	71.576.759.939
Lãi trong năm nay	-	-	-	17.181.299.563	17.181.299.563
Trích lập các quỹ (i)	-	-	-	(4.350.000.000)	(4.350.000.000)
Chia cổ tức (i)	-	-	-	(10.677.733.500)	(10.677.733.500)
Số dư tại ngày 31/12/2025	30.507.810.000	135.908.000	22.758.769.220	20.327.838.782	73.730.326.002

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

(i) Trong năm, Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo Nghị quyết số 19/NQ-ACECO ngày 17/4/2025 của Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2025 như sau:

- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi là 3.300.000.000 VND.

- Trích Quỹ thưởng HĐQT, Ban kiểm soát, Thư ký và Giám đốc là: 1.050.000.000 VND.

- Chia cổ tức năm 2024 bằng tiền với tỷ lệ 35% trên vốn điều lệ, tương đương số tiền 10.677.733.500 VND.

(*) Ngày 12/02/2026 Hội đồng Quản trị Công ty thông qua Nghị quyết số 10/NQ-ACECO-HĐQT về việc tạm ứng cổ tức đợt 01 năm 2025 với tỷ lệ 10%/ vốn điều lệ (01 cổ phiếu nhận được 1.000 đồng), thời gian chi trả cổ tức vào ngày 29/5/2026.

b. Chi tiết vốn góp chủ sở hữu

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	15.465.330.000	15.465.330.000
Vốn góp của tổ chức, cá nhân khác	15.042.480.000	15.042.480.000
Tổng	30.507.810.000	30.507.810.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	30.507.810.000	30.507.810.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	30.507.810.000	30.507.810.000
- Cổ tức đã chia	10.677.733.500	10.677.733.500

d. Cổ phiếu

	31/12/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.050.781	3.050.781
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.050.781	3.050.781
Cổ phiếu phổ thông	3.050.781	3.050.781
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.050.781	3.050.781
Cổ phiếu phổ thông	3.050.781	3.050.781
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

e. Các quỹ doanh nghiệp

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Quỹ đầu tư phát triển	22.758.769.220	22.758.769.220
Tổng	22.758.769.220	22.758.769.220

D.N:
 CÔ
 TÍ
 KIỂM
 PA
 3/1/

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.18 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý	Số tiền nợ gốc	Số tiền đã thu	Số tiền còn nợ	Số tiền xóa nợ
Năm 2019 (i)	8.390.033.349	3.335.447.967	5.054.585.382	5.054.585.382
Công ty TNHH Phước Thạnh	3.295.933.349	264.805.100	3.031.128.249	3.031.128.249
Công ty TNHH XD Công trình Hải Thiên	1.697.520.000	1.453.827.600	243.692.400	243.692.400
Công ty Cổ phần DELTA AGF	1.381.380.000	930.506.867	450.873.133	450.873.133
Công ty TNHH Kỹ thuật điện tử CETECH	1.061.060.000	300.000.000	761.060.000	761.060.000
Công ty TNHH Hưng Minh	954.140.000	386.308.400	567.831.600	567.831.600
Năm 2025 (ii)	11.697.305.450	3.047.879.500	8.649.425.950	8.649.425.950
Công ty Cổ phần Xây lắp Thương mại Chánh Phúc	5.781.897.000	1.308.432.400	4.473.464.600	4.473.464.600
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nam Nguyên	2.875.675.000	1.139.447.100	1.736.227.900	1.736.227.900
Công ty TNHH Xây dựng Hiệp Lợi	2.228.946.500	600.000.000	1.628.946.500	1.628.946.500
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Dung Quất	656.786.950	-	656.786.950	656.786.950
Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị XD Hồng Đăng	154.000.000	-	154.000.000	154.000.000

(i) Các đối tượng công nợ này được xóa sổ từ năm 2019 do xác định không có khả năng thu hồi. Công ty thực hiện xóa nợ theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 25/BB-ACECO-HĐQT ngày 04/11/2019 của Hội đồng Quản trị Công ty.

(ii) Các đối tượng công nợ này được xóa sổ từ năm 2025 do xác định không có khả năng thu hồi. Công ty thực hiện xóa nợ theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/NQ-ACECO-HĐQT ngày 20/01/2026 của Hội đồng Quản trị Công ty.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	359.975.345.140	305.779.182.400
Tổng	359.975.345.140	305.779.182.400
<i>Trong đó, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với bên liên quan</i>	<i>7.640.446.000</i>	<i>990.602.000</i>
<i>(Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.1)</i>		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn của hàng bán	297.736.652.872	252.368.920.985
Tổng	297.736.652.872	252.368.920.985

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi	15.612.147	10.506.516
Cổ tức, lợi nhuận được chia	507.000.000	390.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	85.069.698	158.239.287
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	385.686	-
Tổng	608.067.531	558.745.803
<i>Trong đó, doanh thu tài chính với bên liên quan</i>		
<i>(Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.1)</i>	<i>507.000.000</i>	<i>390.000.000</i>

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.951.758.296	3.614.836.943
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.780.338	38.831.146
Tổng	2.964.538.634	3.653.668.089

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí bán hàng	11.518.414.211	7.224.799.242
Chi phí nhân viên	2.784.842.636	2.489.744.225
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	2.461.362.686	2.532.563.939
Chi phí khấu hao TSCĐ	12.666.672	15.841.672
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.183.002.269	1.652.293.897
Chi phí bằng tiền khác	1.008.880.255	1.110.511.395
Chi phí/ hoàn nhập bảo hành sản phẩm	4.067.659.693	(576.155.886)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	27.271.604.085	24.219.551.094
Chi phí nhân viên quản lý	13.486.739.025	10.915.968.416
Chi phí vật liệu quản lý	255.641.437	63.007.285
Chi phí khấu hao TSCĐ	407.745.553	242.112.252
Thuế phí và lệ phí	22.518.163	22.000.105
Chi phí trích lập/ hoàn nhập dự phòng	586.146.343	2.562.442.445
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.834.881.442	5.903.744.397
Chi phí bằng tiền khác	3.677.932.122	4.510.276.194
Tổng	38.790.018.296	31.444.350.336

6.6 Lợi nhuận khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập khác		
Các khoản khác	495.647.771	414.051.188
Tổng	495.647.771	414.051.188
Chi phí khác		
Các khoản khác	214.001.187	241.778.782
Tổng	214.001.187	241.778.782
Lợi nhuận khác	281.646.584	172.272.406

6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	221.182.682.788	175.414.576.487
Chi phí nhân công	66.347.416.661	54.039.615.764
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.476.949.864	5.187.809.223
Chi phí dự phòng	4.653.806.036	1.986.286.559
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.540.845.652	16.509.739.583
Chi phí khác bằng tiền	29.683.634.309	22.151.533.392
Tổng	351.885.335.310	275.289.561.008

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.373.849.453	19.043.261.199
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	3.799.205.723	5.434.374.504
Thù lao của Hội đồng Quản trị	72.000.000	72.000.000
Chi phí không được trừ	23.900.000	155.239.504
Doanh thu chịu thuế tính trước	-	5.207.135.000
Chi phí của doanh thu đã tính thuế năm trước	3.703.305.723	-
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	(5.714.135.000)	(4.093.305.723)
Thu nhập từ nhận cổ tức	(507.000.000)	(390.000.000)
Doanh thu đã tính thuế năm trước	(5.207.135.000)	-
Chi phí của doanh thu chịu thuế tính trước	-	(3.703.305.723)
Thu nhập từ chi phí không được trừ năm trước	-	-
Thu nhập chịu thuế	19.458.920.176	20.384.329.980
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.891.784.035	4.076.865.996

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025	Năm 2024 (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17.181.299.563	15.267.161.058
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng HĐQT, Ban kiểm soát, thư ký và Giám đốc (i)	-	(4.350.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	17.181.299.563	10.917.161.058
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	3.050.781	3.050.781
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	5.632	3.578

Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng HĐQT, BKS, Thư ký và Giám đốc. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng HĐQT, BKS, thư ký và Giám đốc cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)

(i) **Trình bày lại Chỉ tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024:**

(ii) Công ty xác định lại số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng HĐQT, Ban Kiểm soát, Thư ký và Giám đốc cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 19/NQ-ACECO ngày 17/4/2025. Theo đó, Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được trình bày lại như sau:

	Số đã Báo cáo	Số trình bày lại	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	15.267.161.058	15.267.161.058	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng HĐQT, Ban Kiểm soát, Thư ký và Giám đốc (VND)	-	(4.350.000.000)	(4.350.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	15.267.161.058	10.917.161.058	(4.350.000.000)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	3.050.781	3.050.781	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	5.004	3.578	(1.426)

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

a. Danh sách các bên liên quan

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Công ty mẹ
2	Chi nhánh Xây lắp và Cung ứng Vật tư Thiết bị - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
3	Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức 1	Cùng Công ty mẹ
4	Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 2	Cùng Công ty mẹ
5	Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 4	Cùng Công ty mẹ
6	Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hoà	Công ty liên kết
7	Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này.	Ảnh hưởng đáng kể

b. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Người quản lý khác

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Người quản lý khác	Thu nhập từ lương, thưởng và các khoản khác	3.446.616.776	2.993.298.249

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**b. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Người quản lý khác (Tiếp theo)***Chi tiết như sau:***Thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng Quản trị**

Họ tên	Chức danh	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Ông Trần Anh Tấn	Chủ tịch HĐQT	222.000.000	222.000.000
Ông Lê Duy Cửu	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Thanh Gần Em	Thành viên HĐQT	148.000.000	148.000.000
Ông Phạm Bửu Lộc	Thành viên HĐQT	148.000.000	148.000.000
Ông Tạ Văn Mẫn	Thành viên HĐQT	148.000.000	148.000.000
Tổng		714.000.000	714.000.000

Thù lao và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát

Họ tên	Chức danh	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Ông Lê Đức Thọ	Trưởng ban BKS	148.000.000	148.000.000
Ông Đinh Văn Thi	Thành viên BKS	74.000.000	74.000.000
Ông Trần Vương Đức	Thành viên BKS	74.000.000	74.000.000
Tổng		296.000.000	296.000.000

Lương và các lợi ích khác của Ban Giám đốc và Người quản lý khác

Họ tên	Chức danh	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Ông Lê Duy Cửu	Giám đốc	1.320.513.776	1.090.036.249
Ông Nguyễn Thanh Gần Em	Phó Giám đốc	584.921.000	465.491.000
Ông Trịnh Tấn Đệ	Kế toán trưởng	531.182.000	427.771.000
Tổng		2.436.616.776	1.983.298.249

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

c. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giao dịch bán			
Công ty CP Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hoà	Bán hàng hoá	-	990.602.000
Chi nhánh Xây lắp và Cung ứng Vật tư Thiết bị - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Bán hàng hoá, dịch vụ	27.940.000	-
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức 1	Bán hàng hoá	7.147.310.000	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 2	Bán hàng hoá, dịch vụ	249.160.000	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 4	Bán hàng hoá	216.036.000	-
Tổng		7.640.446.000	990.602.000

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giao dịch khác			
Công ty CP Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hoà	Cổ tức được chia	507.000.000	390.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Chia cổ tức	5.412.865.500	5.412.865.500
Tổng		5.919.865.500	5.802.865.500

d. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	5.092.501.200	-
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức 1	4.823.408.400	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 2	269.092.800	-

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

An Giang, ngày 09 tháng 3 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Huỳnh Thanh Mẫn

Trịnh Tấn Đệ

Lê Duy Cửu